TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2019/DSPT
Ngày: 22/4/2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tính.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Anh Văn.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm vụ án thụ lý số: 05/2018/TLPT-DS ngày 04/12/2018 về "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DSST, ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2019/QĐ-PT, ngày 29/01/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Người Đ1 diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1977 - Chủ tịch Hội đồng quản trị Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Nguyễn Văn Đ1, sinh năm 1962 - Bí thư Chi bộ (vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1970 - Trưởng thôn (có mặt).

3. Ông Nguyễn Công M, sinh năm 1950 - Phó Bí thư Chi bộ.

4. Ông Nguyên Văn T, sinh năm 1947 - Hội trưởng NCT.

5. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1950 - Hội trưởng CCB.

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1974 - Hội trưởng hội phụ nữ.

7. Bà Vũ Thị M1, sinh năm 1966 - Hội trưởng hội nông dân.

8. Bà Đoàn Thị T2, sinh năm 1967 - Thủ quỹ thôn.

9. Ông Nguyễn Công T3, sinh năm 1983 - Kế toán thôn.

10. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 - Xã viên.

11. Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1958 - Kiểm soát.

12. Ông Nguyễn Văn Đ2, sinh năm 1954 - Trưởng ban mặt trận thôn (có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu trong hồ sơ thì vụ án có nội dung như sau: Đ1 diện cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn K trình bày: Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T (gọi tắt là HTX) được UBND huyện L cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp tác xã ngày 29/6/2016. Trên cơ sở kết quả bầu cử tại Đ1 hội xã viên Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, ông K được bầu cử vào chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2016-2021.

Ngày 19/7/2016, ông K Đ1 diện cho HTX đã ký hợp đồng dịch vụ đánh bắt chuột phá hoại lúa theo mùa vụ với anh Nguyễn Văn Đ. Nội dung hợp đồng hai bên thoả thuận: Thời gian khoán, mức khoán, mức đền bù, sản lượng để tính đền bù, giá thóc để tính tiền công, tiền đền bù, khóm lúa để tính đền bù, thời gian nghiệm thu, thanh toán và trách nhiệm, quyền lợi của mỗi bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ đã nhờ ông Nguyễn Văn Đ2 (là bố đẻ) thực hiện việc đánh bắt chuột. Do vậy, Hội đồng quản trị HTX thường xuyên liên hệ và đôn đốc ông Đ2 thực hiện việc đánh bắt chuột cho HTX. Anh Đ đã thực hiện được vụ mùa năm 2016 và vụ chiêm 2017. Đến vụ lúa mùa năm 2017 anh Đ vẫn thực hiện việc đánh bắt chuột theo như hợp đồng đã ký kết nhưng hiệu quả không cao, dẫn đến hậu quả diện tích lúa mùa năm 2017 bị chuột phá hoại trên diện tích rộng. Đến tháng 9/2017 (khi đến lịch nghiệm thu theo hợp đồng của vụ mùa năm 2017), HTX đã yêu cầu anh Đ đi nghiệm thu 03 lần vào các ngày: 09/9/2017, 11/9/2017, 19/9/2017 nhưng anh Đ không đi. Đến ngày 22/9/2017, ông Đ2 là bố anh Đ đã đi nghiệm thu cùng HTX tại xứ đồng Năm Tấn. Do chưa thống nhất được diện tích bị chuột phá hoại với 03 hộ đầu tiên nên ông Đ2 đã bỏ về không tiếp tục

nghiệm thu nữa. HTX đã yêu cầu ông Đ2 tiếp tục nghiệm thu, hộ nào chưa thỏa thuận được thì để lại nghiệm thu sau nhưng ông Đ2 không đồng ý, vì ông cho rằng anh Đ là người ký hợp đồng thì phải về nghiệm thu. Vì vậy, HTX đã lập biên bản về việc ông Đ2 không nghiệm thu, không thực hiện hợp đồng có sự chứng kiến của xã viên.

Sau đó HTX đã nhiều lần gặp gỡ, động viên, mời anh Đ đến họp và thực hiện việc nghiệm thu nhưng anh Đ đã không tham gia nghiệm thu. Để có căn cứ xác định diện tích lúa của xã viên bị chuột phá hoại, ông K đã đề nghị Chi bộ, chính quyền thôn T tổ chức hội nghị quân dân chính lập ban đi xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại để làm căn cứ xác định trách nhiệm bồi thường. Thành phần của ban nghiệm thu là các ông bà Đ1 diện cho các ban ngành đoàn thể của thôn bao gồm 08 ông bà: Ông Nguyễn Công T3, ông Nguyễn Văn T1, bà Vũ Thị M1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L1, bà Đoàn Thị T2. Ngoài 08 ông bà trên thì trong các biên bản xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại còn có tên ông Nguyễn Văn H1 và ông Nguyễn Văn Lễ, tuy nhiên ông Lễ vì bận công việc nên không tham gia nghiệm thu, ông Nguyễn Văn H1 vì là thành viên của Hội đồng quản trị nên chỉ tham gia với tư cách giám sát việc nghiệm thu chứ không phải thành viên trong ban nghiệm thu. Kết quả đã xác định được diện tích lúa bị chuột phá hoại của xã viên vụ mùa năm 2017 là: 92.280m^2.

Đối với diện tích đất nông nghiệp mà HTX thuê khoán là 665.300m^2, trong đó diện tích gieo cấy lúa mùa năm 2017 là 586.000m^2, tuy nhiên do một số hộ bỏ gieo cấy lúa hoặc trồng cây hoa màu nên diện tích gieo cấy thực của HTX là 554.200m^2. Như vậy tiền công của anh Đ theo như hợp đồng là 38.486.000đ.

Căn cứ vào nội dung của hợp đồng đã ký kết giữa HTX và anh Đ về trách nhiệm bồi thường thiệt hại khi có diện tích lúa bị chuột phá trong tổng số diện tích lúa được bảo vệ của HTX và dựa trên cơ sở nội dung đã bồi thường trong vụ lúa mùa năm 2016 và vụ lúa chiêm năm 2017. Ông K đề nghị Toà án yêu cầu anh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho HTX diện tích lúa bị thiệt hại do bị chuột phá theo hợp đồng đã ký kết giữa hai bên. Đối với vụ mùa là 180kg thóc/1sào/01 vụ, tức là 1m^2 bị chuột phá tương đương với 0,5kg thóc. Tổng diện tích lúa bị chuột phá là 92.280m^2 được quy ra thóc bằng 46.140kg, do HTX và anh Đ đã thống nhất giá thóc để tính tiền công đánh bắt chuột và tiền đền bù là 5.000đ/1kg nên được tính ra giá trị tiền là 230.700.000đ. Ông xác định phương thức đền bù cũng được tính như 2 vụ trước là lấy tiền công đánh bắt chuột của anh Đ trừ đi, nếu còn thừa thì anh Đ lấy tiền về, còn thiếu thì anh Đ phải bù vào. Vụ mùa năm 2017, với tổng diện tích anh Đ đánh bắt chuột thì tiền công của anh Đ là 38.486.000đ sau khi đối trừ thì HTX yêu cầu anh Đ phải đền bù cho HTX là 192.214.000đ.

Bị đơn là anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh đồng ý một phần với lời trình bày và yêu cầu của nguyên đơn về thời gian địa điểm ký kết hợp đồng, nội dung hợp đồng về: Thời gian khoán, mức khoán, mức đền bù, sản lượng để tính đền bù, giá thóc để tính tiền công, tiền đền bù, khóm lúa để tính đền bù, thời gian nghiệm thu, thanh toán và trách nhiệm, quyền lợi của mỗi bên, anh cũng xác định vụ lúa mùa năm 2017 thì chuột có phá lúa nhưng diện tích lúa bị phá không lớn đến vậy. Bản thân anh là người ký kết hợp đồng đánh bắt chuột với HTX, nhưng do bận việc và đi làm ăn xa nên không trực tiếp thực hiện việc đánh bắt chuột, anh có nhờ bố anh là ông Nguyễn Văn Đ2 đánh bắt chuột hộ, HTX cũng mặc nhiên thừa nhận để ông Đ2 là người thay anh thực hiện hợp đồng. Việc ủy quyền giữa anh với ông Đ2, sự tiếp nhận và đồng ý giữa HTX đối với việc ông Đ2 đánh bắt chuột hộ anh chỉ là thoả thuận miệng chứ không lập thành văn bản và anh cũng không có mục đích chuyển giao quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng cho ông Đ2. Đến lịch nghiệm thu, do bận công việc ở xa nên anh có gọi điện nhờ ông Đ2 đi nghiệm thu hộ. Quá trình nghiệm thu, do không thống nhất được diện tích lúa bị chuột phá hoại nên ông Đ2 đã tạm dừng không nghiệm thu nữa. HTX đã gọi điện báo cho anh về nghiệm thu nhưng sau đó HTX lại nói là bận việc nên việc nghiệm thu không thực hiện được. Anh có yêu cầu HTX phải thông báo thời gian nghiệm thu bằng văn bản nhưng HTX không thực hiện. Sau đó HTX có báo cho anh hai lần để cùng đi nghiệm thu, nhưng chỉ báo miệng, mặc dù anh biết lịch nghiệm thu nhưng do không thống nhất được phương pháp làm việc nên anh đã không đi nghiệm thu. Nay HTX có đơn yêu cầu anh phải bồi thường diện tích lúa bị chuột phá hoại tính bằng tiền là 230.700.000đ thì anh chỉ đồng ý một phần. Anh xác định diện tích lúa bị chuột phá là có nhưng cho rằng: Lỗi không phải hoàn toàn do anh vì vụ lúa mùa năm 2017 là do có quá nhiều chuột anh đã thực hiện hết trách nhiệm nhưng đánh bắt chuột không hết được, quá trình đánh bắt chuột anh gặp rất nhiều khó khăn dù anh đã đề nghị HTX nhiều lần nhưng HTX không phát quang bờ bụi, để cỏ mọc tốt ở bờ ruộng, ảnh hưởng đến hiệu quả đánh bắt chuột. Thứ hai là anh không được mời tham gia nghiệm thu bằng văn bản nên anh không thừa nhận diện tích lúa bị chuột phá hoại như HTX trình bày và theo anh diện tích lúa bị chuột phá hoại không nhiều như HTX thống kê. Anh đề nghị việc đền bù vẫn tính như 2 vụ trước là lấy tiền công đánh bắt chuột của vụ lúa mùa năm 2017 để đền bù diện tích lúa đã bị chuột phá hoại, nếu thừa thì lấy về, còn thiếu thì anh bù vào. Nhưng do vụ mùa năm 2017, với các lý do như anh nêu ở trên thì anh chỉ chấp nhận đền bù bằng đúng số tiền công đánh bắt chuột của anh vụ mùa năm 2017 là 38.486.000®, ngoài ra anh không đền bù gì thêm.

Người làm chứng là thành viên ban xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại gồm: ông Nguyễn Công T3, ông Nguyễn Văn T1, bà Vũ Thị M1, ông Nguyễn Văn

L, ông Nguyễn Công M, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị L1, bà Đoàn Thị T2 trình bày: Việc ông K trình bày về việc không thực hiện việc tham gia nghiệm thu của anh Đ, ông Đ2 là đúng và việc các ông bà tham gia Ban xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại vụ mùa năm 2017 đã nghiệm thu toàn bộ các xứ đồng và đã xác định tổng diện tích lúa bị chuột phá hoại vụ mùa năm 2017 của HTX đúng như ông K trình bày.

Người làm chứng tham gia ký kết trong hợp đồng gồm: Ông Nguyễn Văn Đ1, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn H1 thống nhất trình bày: Việc các ông cùng tham gia ký kết vào hợp đồng chỉ là chứng kiến việc ký kết giữa HTX và anh Đ, chứ không liên quan gì đến quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng. Ngoài ra, trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ1 với tư cách là Bí thư Chi bộ thôn T, ông L với tư cách là Trưởng thôn khi được ông K là người Đ1 diện cho HTX thông báo về việc nghiệm thu diện tích lúa bị chuột phá hoại vụ mùa năm 2017, hai ông đã chỉ Đ HTX phải nghiệm thu và trực tiếp các ông đã vào yêu cầu ông Đ2, anh Đ đi nghiệm thu cùng HTX và xã viên. Sau khi anh Đ, ông Đ2 không tham gia nghiệm thu thì Chi bộ và chính quyền thôn đã tổ chức hội nghị quân dân chính để thành lập Ban xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại để cùng xã viên và HTX nghiệm thu cho kịp thời vụ.

Ông Nguyễn Văn Đ2 trình bày: Ông công nhận lời khai của anh Đ như trên là đúng, ông cũng xác định việc ông đánh bắt chuột cho anh Đ và đi nghiệm thu cho anh Đ là do anh Đ nhờ chứ không phải anh Đ chuyển giao lại quyền và nghĩa vụ cho ông, việc đó không được lập thành văn bản nhưng được 03 bên là HTX, anh Đ và ông mặc nhiên thừa nhận từ 02 vụ trước. Do vậy ông cũng không yêu cầu Hợp tác xã và anh Đ phải trả tiền công cho ông.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm đã căn cứ vào các Điều 147, 184, 227, 229, 233, 235, 259, 264, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 116, 117, 118, 119, 351, 357, 385, 401, 429, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hợp tác xã; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T số tiền 192.214.000đ.

Ngoài ra, bản án còn T về nghĩa vụ thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14/8/2018, anh Nguyễn Văn Đ có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đ1 diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ, xử sửa bản án sơ thẩm số 02/2008/DS-ST ngày 01/8/2018 của Tòa án nhân dân huyện L theo hướng anh Đ phải trả cho HTX T 58.486.000đ (trong đó bao gồm 20.000.000đ tiền phạt hợp đồng và 38.486.000đ tiền công anh Đ không được nhận).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

Ngày 19/7/2016, ông Nguyễn Văn K - Chủ tịch Hội đồng quản trị HTX dịch vụ nông nghiệp T đã ký hợp đồng dịch vụ đánh bắt chuột phá hoại lúa theo mùa vụ với anh Nguyễn Văn Đ. Nội dung hợp đồng hai bên thoả thuận về thời gian khoán, mức khoán, mức đền bù, sản lượng để tính đền bù, giá thóc để tính tiền công, tiền đền bù, khóm lúa để tính đền bù, thời gian nghiệm thu, thanh toán và trách nhiệm, quyền lợi của mỗi bên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Đ thường xuyên đi làm ăn xa nên đã nhờ ông Nguyễn Văn Đ2 thực hiện việc đánh bắt chuột. Anh Đ đã thực hiện công việc đánh bắt chuột theo hợp đồng được vụ mùa năm 2016 và vụ chiêm 2017. Tuy nhiên, đến vụ lúa mùa năm 2017 thực hiện việc đánh bắt chuột không hiệu quả, dẫn đến hậu quả diện tích lúa mùa năm 2017 bị chuột phá hoại trên diện tích rộng. Theo kết quả nghiệm thu thì tổng diện tích lúa bị chuột phá hoại là 92.280m^2 tương đương với giá trị bồi thường là 230.700.000đ (0,5kg thóc/m^2; 5000đ/1kg thóc). Hợp tác xã đã yêu cầu anh Đ thực hiện việc bồi thường nhưng anh Đ không đồng ý. Do vậy, Hợp tác xã thôn T do ông K Đ1 diện đã khởi kiện đề nghị Tòa án buộc anh Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho Hợp tác xã số tiền 230.700.000đ và đối trừ cho anh Đ số tiền 38.486.000đ tiền công đánh bắt chuột vụ mùa năm 2017. Tòa án đã cấp sơ thẩm đã xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T, buộc anh Nguyễn Văn Đ phải bồi thường cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T số tiền 192.214.000đ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Nguyễn Văn Đ kháng cáo bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ về lý do anh không được trực tiếp tham gia nghiệm thu diện tích lúa bị chuột phá hoại vụ mùa 2017, Hội đồng xét xử thấy: Theo thỏa thuận tại Điều I của hợp đồng được ký kết giữa HTX nông nghiệp T với anh Nguyễn Văn Đ có quy định về việc nghiệm thu như sau: "Khi nghiệm thu có chủ hộ, người nhận khoán và Hội đồng quản trị làm trọng tài". Như vậy, hợp đồng đã quy định cụ thể thành phần tham gia tiến hành nghiệm thu là phải có mặt anh Đ. Tuy nhiên, HTX đã nhiều lần tổ chức tiến hành nghiệm thu, thông báo cho anh Đ biết thời gian nghiệm thu, anh Đ biết nhưng do không thống nhất được việc nghiệm thu nên anh Đ không tham gia. Do đó, việc anh Đ kháng cáo cho rằng anh không được tham gia nghiệm thu là vi phạm quyền lợi của anh là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với kháng cáo cho rằng bản án sơ thẩm không áp dụng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng, thấy: Theo thỏa thuận tại Điều I về thành phần tiến hành nghiệm thu có chủ hộ, người nhận khoán và Hội đồng quản trị làm trọng tài nhưng do anh Đ không tham gia vào việc nghiệm thu nên thành phần phải có chủ hộ và Hội đồng quản trị. Theo nghị quyết thành lập Hợp tác xã thì Hội đồng quản trị gồm có 03 người là ông Nguyễn Văn K (Chủ tịch kiêm Giám đốc), ông Nguyễn Văn H (Phó Chủ tịch kiêm Phó giám đốc), ông Nguyễn Công Yến (Ủy viên). Như vậy, biên bản nghiệm thu phải có sự tham gia và có chữ ký của chủ hộ, ông K, ông H, ông Yến nhưng trong tất cả các biên bản nghiệm thu đều không có chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị Hợp tác xã. Và do anh Đ không tham gia nghiệm thu nên ông K đã kiến nghị với địa phương thành lập ban xác định diện tích lúa bị chuột phá hoại của thôn T để tiến hành nghiệm thu. Tuy nhiên, về hình thức và nội dung của các biên bản nghiệm thu thì thành phần ban tham gia nghiệm thu có 10 ông bà, nhưng trong tất cả các biên bản chỉ có một người ký, không có chữ ký của Trưởng ban và không đủ thành phần ghi trong biên bản nghiệm thu nên không thể xác định được khi nghiệm thu có sự tham gia của cả ban nghiệm thu hay là chỉ có một người tiến hành nghiệm thu. Về nội dung này, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Văn L trình bày về thành phần ghi trong biên bản là theo mẫu có sẵn, còn thực tế chỉ có bốn người đi nghiệm thu, lý do mọi người không ký vào biên bản nghiệm thu là do nhận thức. Như vậy, có thể khẳng định các ông bà có tên trong biên bản nghiệm thu là không tham gia nghiệm thu thực tế diện tích lúa bị chuột phá hoại. Ngoài ra, còn nhiều biên bản nghiệm thu bị tẩy xóa về phần diện tích lúa bị chuột phá hoại, trong đó có biên bản tẩy xóa làm tăng diện tích lúa bị chuột phá hoại; nhiều biên bản không ghi diện tích ruộng của chủ hộ cấy lúa mà chỉ ghi diện tích bị chuột phá hoại; có biên bản không ghi địa chỉ của các thửa ruộng tiến hành nghiệm thu; nhiều biên bản ngày tháng không thống nhất, trên đầu biên bản một ngày cuối biên bản lại là

một ngày khác, ngày lập biên bản sau ngày hộ gia đình ký vào biên bản; có biên bản nghiệm thu không có xứ đồng. Đặc biệt có biên bản nghiệm thu là tháng 5/2017, thời điểm chưa cấy lúa vụ mùa 2017 là không phù hợp; các biên bản nghiệm thu đều sử dụng nhiều loại mực trong phần nội dung, với nhiều kiểu chữ khác nhau của người lập biên bản và chữ ký của người dại diện ban xác định chuột phá hoại lúa là không khách quan và không đảm bảo quyền lợi của các bên tham gia hợp đồng. Như vậy, các biên bản nghiệm thu diện tích lúa bị chuột phá hoại của các hộ dân trên địa bàn thôn T chưa đảm bảo tính khách quan. Do đó, không đủ cơ sở để xác định trách nhiệm bồi thường của anh Nguyễn Văn Đ đối với yêu cầu khởi kiện của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Tuy nhiên, theo lời khai của anh Đ thì vụ mùa năm 2017 anh đi làm ăn xa, không thực hiện việc đánh bắt chuột mà nhờ ông Nguyễn Văn Đ2 là bố đẻ đánh bắt chuột hộ, việc thỏa thuận giữa anh Đ với ông Đ2 không thể hiện bằng văn bản, anh Đ không chuyển giao nghĩa vụ cho ông Đ2. Như vậy, hợp đồng đánh bắt chuột chỉ phát sinh quyền và nghĩa vụ của anh Đ với HTX dịch vụ nông nghiệp T nên anh Đ không thực hiện đúng nghĩa vụ dẫn tới hậu quả là chuột phá hoại lúa của các hộ dân. Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về việc thỏa thuận trong hợp đồng, anh chấp nhận chịu phạt theo hợp đồng. Do đó, căn cứ Điều II về trách nhiệm và quyền lợi của mỗi bên thì anh Đ phải chịu phạt hợp đồng số tiền là 20.000.000đ và không được nhận tiền công đánh bắt chuột trong vụ mùa 2017. Do đo, kháng cáo của anh Nguyễn Văn Đ là có căn cứ chấp nhận.

Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hợp tác xã thôn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận {230.700.000đ - (20.000.000đ + 38.486.000đ) x 5% = 8.610.000đ}.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử sửa bản án sơ thẩm.

Áp dụng Điều 116, 117, 118, 119, 351, 357, 385, 401, 429, 513, 514, 515, 516, 517, 518, 519 Bộ luật Dân sự; Điều 37 Luật Hợp tác xã; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử chấp nhận một phần yêu cầu của Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T.

Buộc anh Nguyễn Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T số tiền 20.000.000đ (Hai mươi T3 đồng) và không được nhận tiền công đánh bắt chuột vụ mùa 2017.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 1.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm theo biên lai thu số 0001110 ngày 15/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp T phải chịu 8.610.000đ. Xác nhận Hợp tác xã đã nộp 5.750.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 04456 ngày 09/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày T án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự
- Lưu hs.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Tính